

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 19-01-2022
V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đức Hùng;
2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố 7, thị trấn H, huyện T, tỉnh Q; *Vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn B, xã X, huyện S, tỉnh Q; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 30/12/2014. Sau khi kết hôn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Năm 2017, chị có nộp đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ. Từ năm 2019, chị đưa con về nhà cha mẹ ruột tại thị trấn H,

huyện T sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thế Nhật T, sinh ngày 31/01/2016. Hiện tại, cháu T đang ở với chị nên khi ly hôn chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Nguyễn Thế T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Từ năm 2019, chị T đưa con về nhà cha mẹ ruột ở thị trấn H, huyện T sinh sống cho đến nay, từ đó giữa vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh xin Tòa án giải quyết cho đoàn tụ, anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị T giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Thế Nhật T, sinh ngày 31/01/2016. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Võ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị T

có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Nguyễn Thế T. Anh T hiện đang cư trú tại thôn B, xã X, huyện S, tỉnh Q. Nay, chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *“Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 30/12/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn. Chị T và anh T đều thừa nhận từ năm 2019 đến nay, chị T đưa con về sống với cha mẹ ruột chị tại thị trấn H, huyện T và giữa vợ chồng không còn chung sống, quan tâm đến nhau. Theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 167/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn thể hiện chị T từng nộp đơn xin ly hôn, nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ đúng như lời chị T trình bày. Quá trình giải quyết vụ án anh T xin đoàn tụ, nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Thế Nhật T, sinh ngày 31/01/2016. Khi ly hôn, chị T, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của các bên thì thấy: Chị T cung cấp Hợp đồng lao động số 00201 ngày 21/8/2017 giữa chị Võ Thị T với Tập đoàn Dệt may Việt Nam và bảng sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng lập ngày 15/10/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thể hiện chị T có công việc ổn định với mức thu nhập trung bình mỗi tháng là 7.872.893 đồng. Anh T cũng cung cấp Hợp đồng lao động số 08.21/HĐLĐ/2021 ngày 01/7/2021 giữa anh Nguyễn Thế T với Công ty TNHH Hiệp Lực Quảng Nam và 04 bảng thanh toán lương, thể hiện anh có công việc ổn định với mức thu nhập trung bình mỗi tháng là 13.534.740 đồng. Như vậy, chị T và anh T đều đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, cháu T hiện đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu. Hơn nữa, từ năm 2019 đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và việc nuôi con của chị vẫn đảm bảo nên cần giao cháu T cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Võ Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị T và anh Nguyễn Thế T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế Nhật T, sinh ngày 31/01/2016 cho chị Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Thế T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Võ Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004513 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Quảng Nam
 - VKSND huyện Quế Sơn;
 - Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
 - Ủy ban nhân dân xã X
- (Giấy CNKH số 105 ngày 30/12/2014);
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng